

V/v: Bổ sung và đính chính nội dung Bản thuyết minh Báo cáo tài chính bán niên năm 2024 đã được soát xét của Công ty

Kính gửi: Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam

Trước tiên, chúng tôi - Công ty TNHH MTV Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán I.P.A ("IPAAM") xin gửi lời cảm ơn trân trọng đến Quý Công ty vì sự hợp tác của Quý Công ty đối với IPAAM trong suốt thời gian qua.

Đối với Báo cáo tài chính bán niên năm 2024 của Công ty lập ngày 13 tháng 08 năm 2024; Báo cáo tài chính đã được Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam soát xét và được công bố thông tin theo quy định pháp luật vào ngày 14 tháng 08 năm 2024. Chúng tôi nhận thấy trên Bản thuyết minh Báo cáo tài chính chưa thuyết minh chi tiết danh mục cổ phiếu bị giảm giá.

Chúng tôi sẽ thực hiện bổ sung theo các thông tin chi tiết vào mục 6 – Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn của Bản thuyết minh Báo cáo tài chính bán niên năm 2024 chi tiết danh mục cổ phiếu bị giảm giá như sau:

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Số lượng	Giá trị ghi sổ (VND)	Số lượng	Giá trị ghi sổ (VND)
Cổ phiếu niêm yết				
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước giải khát Sài Gòn (mã cổ phiếu: SAB)	32.700	1.999.610.000	-	-
Cổ phiếu chưa niêm yết				
Công ty CP Tập đoàn Cienco4 (mã cổ phiếu: C4G)	500.000	6.100.000.000	-	-
Tổng cộng	532.700	8.099.610.000	-	-

Chúng tôi cũng xin đính chính nội dung khoản ii, mục 6 –Biến động dự phòng trong kỳ như sau:

Nội dung bị nhầm lẫn	Nội dung đúng
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2024, Công ty trích lập dự phòng giảm giá đối với cổ phiếu niêm yết của Tổng Công ty Khí Việt Nam (mã cổ phiếu: GAS) và cổ phiếu chưa niêm yết của Công ty Cổ phần Tập đoàn CIENCO4 (mã cổ phiếu: C4G).	Tại ngày 30 tháng 06 năm 2024, Công ty trích lập dự phòng giảm giá đối với cổ phiếu niêm yết của Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước giải khát Sài Gòn (mã cổ phiếu: SAB) và cổ phiếu chưa niêm yết của Công ty Cổ phần Tập đoàn CIENCO4 (mã cổ phiếu: C4G).

Chúng tôi kính đề nghị Quý Công ty xác nhận những nội dung nêu trên làm cơ sở để IPAAM giải trình với Ủy ban chứng khoán Nhà nước.

Trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu VT.

Công ty TNHH MTV Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán I.P.A

Tổng Giám đốc



Phạm Minh Hương

81180
ÔNG T
NHIỆM HỒ
ST & YO
ỆT NAI
P. HỒ C

✓

Phản hồi của Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam

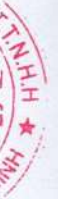
Chúng tôi xác nhận các thông nêu trên là phù hợp với các thông tin chúng tôi được cung cấp trong quá trình kiểm toán.



Nguyễn Phương Nga
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 0763-2024-004-1

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 25 tháng 09 năm 2024



**Công ty TNHH Một thành viên Quản lý Quỹ Đầu tư
Chứng khoán I.P.A**

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024

Công ty TNHH MTV Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán I.P.A

TRƯỜNG TIN CHUNG

QUẢN LÝ

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2
Bảng cân đối kế toán giữa niên độ	3 - 4
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ	5
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	6 - 7
Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu giữa niên độ	8
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ	9 - 32

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Ông Nguyễn Văn Hùng, Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty TNHH MTV Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán I.P.A, có địa chỉ: Số 10, Đường Nguyễn Văn Linh, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

NGƯỜI TRƯỞNG BAN TÍNH TOÁN

Ông Nguyễn Văn Hùng, Trưởng Ban Tính toán Công ty TNHH MTV Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán I.P.A.

Ông Nguyễn Văn Hùng, Trưởng Ban Tính toán Công ty TNHH MTV Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán I.P.A.

Ông Nguyễn Văn Hùng, Trưởng Ban Tính toán Công ty TNHH MTV Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán I.P.A.

Ông Nguyễn Văn Hùng, Trưởng Ban Tính toán Công ty TNHH MTV Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán I.P.A.

NGƯỜI TRƯỞNG BAN KIỂM TRA

Ông Nguyễn Văn Hùng, Trưởng Ban Kiểm tra Công ty TNHH MTV Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán I.P.A, có địa chỉ: Số 10, Đường Nguyễn Văn Linh, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

CHỖ CHỮ KÝ

Ông Nguyễn Văn Hùng, Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty TNHH MTV Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán I.P.A.

Công ty TNHH MTV Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán I.P.A

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty TNHH Một thành viên Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán I.P.A ("Công ty") là một công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên được thành lập theo Luật Doanh Nghiệp của Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần 1 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 02 tháng 07 năm 2021, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần 3 cấp ngày 08 tháng 03 năm 2024 và Giấy phép Thành lập và Hoạt động số 30/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 04 tháng 03 năm 2008, và theo các giấy phép điều chỉnh sau:

<u>Giấy phép Thành lập và Hoạt động điều chỉnh số</u>	<u>Ngày</u>
02/GPĐC-UBCK	Ngày 08 tháng 03 năm 2017
22/GPĐC-UBCK	Ngày 11 tháng 04 năm 2019
12/GPĐC-UBCK	Ngày 05 tháng 03 năm 2024

Vốn điều lệ của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2024 là 100 tỷ đồng Việt Nam (tại ngày 31 tháng 12 năm 2023: 100 tỷ đồng Việt Nam).

Hoạt động chính của Công ty trong kỳ hiện tại là quản lý quỹ, quản lý danh mục đầu tư và tư vấn đầu tư. Tại ngày 30 tháng 06 năm 2024, Công ty đang quản lý năm (05) quỹ, bao gồm Quỹ Đầu tư Chủ động VND (VNDAF), Quỹ Đầu tư Trái phiếu VND (VNDBF), Quỹ Đầu tư Trái phiếu linh hoạt VND (VNDCF); Quỹ ETF IPAAM VN100 (IPAAM VN100) và Quỹ đầu tư thành viên IPA. Bên cạnh đó, trong kỳ, Công ty cũng cung cấp dịch vụ quản lý danh mục đầu tư chứng khoán cho Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT, Công ty Cổ phần Âm thực Mặt trời vàng và Công ty Cổ phần Bkav.

Công ty có Trụ sở chính đặt tại số 1 Nguyễn Thượng Hiền, Phường Nguyễn Du, Quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.

CHỦ TỊCH CÔNG TY

Bà Phạm Minh Hương được bổ nhiệm làm Chủ tịch Công ty theo Giấy phép điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động công ty quản lý quỹ số 12/GPĐC-UBCK ngày 05 tháng 03 năm 2024 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Thành viên Ban Tổng Giám đốc của Công ty trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này là:

Bà Nguyễn Hồ Nga	Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 22 tháng 07 năm 2024
Bà Phạm Minh Hương	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 22 tháng 07 năm 2024
Bà Nguyễn Thị Thúy Lan	Kế toán Trưởng	Bổ nhiệm ngày 29 tháng 07 năm 2021

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty Quản lý Quỹ trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này là Bà Phạm Minh Hương - Chức danh: Chủ tịch Công ty kiêm Tổng Giám Đốc.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty TNHH MTV Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán I.P.A

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty TNHH Một thành viên Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán I.P.A ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính cho từng giai đoạn tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu giữa niên độ của Công ty. Trong quá trình lập báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc Công ty cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính giữa niên độ; và
- ▶ lập báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính giữa niên độ của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính giữa niên độ của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2024, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu giữa niên độ cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Bà Phạm Minh Hương
Chủ tịch
kiêm Tổng Giám Đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 13 tháng 08 năm 2024

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ
tại ngày 30 tháng 6 năm 2024

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 06 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
	TÀI SẢN			
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		128.394.682.826	112.621.259.166
110	I. Tiền và tương đương tiền	5	13.514.049.428	6.682.572.682
111	1. Tiền		406.793.455	322.636.398
112	2. Các khoản tương đương tiền		13.107.255.973	6.359.936.284
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	6	107.569.583.451	102.343.864.807
121	1. Đầu tư ngắn hạn		108.807.193.451	102.343.864.807
129	2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn		(1.237.610.000)	-
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		7.273.874.265	3.553.038.955
131	1. Phải thu khách hàng		3.986.270.000	-
132	2. Phải thu hoạt động nghiệp vụ	8	1.040.206.277	865.904.401
134	3. Các khoản phải thu khác	9	2.462.397.988	2.902.134.554
135	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(215.000.000)	(215.000.000)
150	IV. Tài sản ngắn hạn khác		37.175.682	41.782.722
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	10	37.175.682	41.782.722
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		968.359.614	1.020.884.536
250	I. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	11	906.845.851	906.845.851
253	1. Đầu tư dài hạn khác		4.600.000.000	4.600.000.000
259	2. Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn		(3.693.154.149)	(3.693.154.149)
260	II. Tài sản dài hạn khác		61.513.763	114.038.685
261	1. Chi phí trả trước dài hạn		51.513.763	104.038.685
268	2. Tài sản dài hạn khác	12	10.000.000	10.000.000
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		129.363.042.440	113.642.143.702
	NGUỒN VỐN			
300	A. NỢ PHẢI TRẢ		9.495.674.899	6.106.755.071
310	I. Nợ ngắn hạn		9.096.176.768	5.599.646.792
312	1. Phải trả người bán	13	285.410.539	69.993.768
314	2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	14	3.868.309.242	947.381.352
315	3. Phải trả người lao động		14.074.380	-
316	4. Chi phí phải trả	15	442.100.000	114.969.065
319	5. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	16	4.486.282.607	4.467.302.607
330	II. Nợ dài hạn		399.498.131	507.108.279
335	1. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả		399.498.131	507.108.279
400	B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	17	119.867.367.541	107.535.388.631
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		100.000.000.000	100.000.000.000
418	2. Quỹ dự phòng tài chính		-	-
419	3. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		1.916.896.584	1.916.896.584
420	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		17.950.470.957	5.618.492.047
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		129.363.042.440	113.642.143.702

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 tại ngày 30 tháng 6 năm 2024

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 06 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
6	1. Chứng khoán lưu ký của Công ty Quản lý Quỹ	18	92.858.544.400	108.371.100.000
	Trong đó:			
7	1.1. Chứng khoán giao dịch		92.858.544.400	108.371.100.000
11	1.2. Chứng khoán chờ thanh toán		-	-
20	2. Chứng khoán chưa lưu ký của Công ty Quản lý quỹ		4.500.000.000	4.500.000.000
30	3. Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác	19	1.380.287	1.398.436
31	3.1. Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác trong nước		1.380.287	1.398.436
40	4. Danh mục đầu tư của nhà đầu tư ủy thác	20	812.924.597.900	1.138.104.461.100
41	4.1. Nhà đầu tư ủy thác trong nước		812.924.597.900	1.138.104.461.100
50	5. Các khoản phải thu của nhà đầu tư ủy thác		-	4.308.102.400
51	6. Các khoản phải trả của nhà đầu tư ủy thác	21	217.109.908	255.549.695

Người lập biểu



Bà Nguyễn Thị Thúy Lan
 Kế toán Trưởng

Người phê duyệt



Bà Phạm Minh Hương
 Chủ tịch
 kiêm Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 13 tháng 08 năm 2024

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ
cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2023
1	1. Doanh thu		4.851.114.543	3.470.994.111
2	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh	22	4.851.114.543	3.470.994.111
11	4. Chi phí hoạt động kinh doanh	23	5.825.078.765	9.003.910.601
20	5. Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh		(973.964.222)	(5.532.916.490)
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	24	20.375.011.873	5.797.712.981
22	7. Chi phí hoạt động tài chính	25	1.464.658.792	18.580.628
25	8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	2.535.127.722	1.550.712.201
30	9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		15.401.261.137	(1.304.496.338)
31	10. Thu nhập khác		-	-
32	11. Chi phí khác		-	-
40	12. Lợi nhuận khác		-	-
50	13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		15.401.261.137	(1.304.496.338)
51	14. Chi phí thuế TNDN hiện hành		3.176.892.375	-
52	15. Chi phí thuế TNDN hoãn lại		(107.610.148)	-
60	16. Lợi nhuận sau thuế TNDN		12.331.978.910	(1.304.496.338)

Người lập biểu



Bà Nguyễn Thị Thúy Lan
Kế toán Trưởng

Người phê duyệt



Bà Phạm Minh Hương
Chủ tịch
kiêm Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 13 tháng 08 năm 2024

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ
cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2023
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1	1. (Lỗ)/lợi nhuận trước thuế		15.401.261.137	(1.304.496.338)
3	2. Điều chỉnh cho các khoản		(1.942.995.563)	(5.797.712.981)
5	- Các khoản chi phí/(hoàn nhập) dự phòng		1.237.610.000	-
8	- Lãi từ hoạt động đầu tư		(3.180.605.563)	(5.797.712.981)
9	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		13.458.265.574	(7.102.209.319)
10	- (Tăng)/Giảm các khoản phải thu		(4.204.036.048)	15.360.539
11	- Giảm/(Tăng) hàng tồn kho (chứng khoán kinh doanh)		5.068.161.356	(12.624.940.479)
12	- Tăng/(giảm) các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		485.391.305	(6.453.070.840)
14	- Giảm/(tăng) chi phí trả trước		57.131.962	97.655.636
20	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(165.753.704)	(3.916.124.369)
	20 Lưu chuyển tiền thuần từ/(sử dụng vào) hoạt động kinh doanh		14.699.160.445	(29.983.328.832)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			-
23	1. Tiền chi mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(18.456.642.000)	-
24	2. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		6.925.152.000	18.000.000.000
26	3. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác		-	-
27	4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		3.663.806.301	5.617.594.728
30	30 Lưu chuyển tiền thuần từ/(sử dụng vào) hoạt động đầu tư		(7.867.683.699)	23.617.594.728
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	1. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		-	-
40	40 Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động tài chính		-	-

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2023
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		6.831.476.746	(6.365.734.104)
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	5	6.682.572.682	9.138.184.015
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		-	-
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	5	13.514.049.428	2.772.449.911

Người lập biểu



Bà Nguyễn Thị Thúy Lan
Kế toán Trưởng

Người phê duyệt



Bà Phạm Minh Hương
Chủ tịch
kiêm Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 13 tháng 08 năm 2024

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU GIỮA NIÊN ĐỘ
cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số dư đầu kỳ		Số tăng/giảm				Số dư cuối kỳ	
		Ngày 1 tháng 1 năm 2023	Ngày 1 tháng 1 năm 2024	Kỳ trước		Kỳ này		Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Ngày 30 tháng 6 năm 2024
				Tăng	Giảm	Tăng	Giảm		
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	16	100.000.000.000	100.000.000.000	-	-	-	-	100.000.000.000	100.000.000.000
2. Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	16	1.916.896.584	-	-	(1.916.896.584)	-	-	-	-
3. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	16	1.916.896.584	1.916.896.584	-	-	-	-	1.916.896.584	1.916.896.584
4. Lợi nhuận chưa phân phối	16	31.775.944.795	5.618.492.047	1.916.896.584	(1.304.496.338)	12.331.978.910	-	32.388.345.041	17.950.470.957
Tổng cộng		135.609.737.963	107.535.388.631	1.916.896.584	(3.221.392.922)	12.331.978.910	-	134.305.241.625	119.867.367.541

Người lập biểu



Bà Nguyễn Thị Thúy Lan
Kế toán Trưởng

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 13 tháng 08 năm 2024

Người phê duyệt



Bà Phạm Minh Hương
Chủ tịch
kiêm Tổng Giám đốc

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (đã bổ sung và đính chính)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

1. CÔNG TY

Công ty TNHH Một thành viên Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán I.P.A ("Công ty") là một công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên được thành lập theo Luật Doanh Nghiệp của Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần 1 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 02 tháng 07 năm 2021, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần 3 cấp ngày 08 tháng 03 năm 2024 và Giấy phép Thành lập và Hoạt động số 30/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 04 tháng 03 năm 2008, và theo các giấy phép điều chỉnh sau:

<i>Giấy phép Thành lập và Hoạt động điều chỉnh số</i>	<i>Ngày</i>
02/GPĐC-UBCK	Ngày 08 tháng 03 năm 2017
22/GPĐC-UBCK	Ngày 11 tháng 04 năm 2019
12/GPĐC-UBCK	Ngày 05 tháng 03 năm 2024

Vốn điều lệ của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 là 100 tỷ đồng Việt Nam (tại ngày 31 tháng 12 năm 2023: 100 tỷ đồng Việt Nam).

Hoạt động chính của Công ty trong kỳ hiện tại là quản lý quỹ, quản lý danh mục đầu tư và tư vấn đầu tư. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, Công ty đang quản lý năm (05) quỹ, bao gồm Quỹ Đầu tư Chủ động VND (VNDAF), Quỹ Đầu tư Trái phiếu VND (VNDBF), Quỹ Đầu tư Trái phiếu linh hoạt VND (VNDCF); Quỹ ETF IPAAM VN100 (IPAAM VN100) và Quỹ đầu tư thành viên IPA. Bên cạnh đó, trong kỳ, Công ty cũng cung cấp dịch vụ quản lý danh mục đầu tư chứng khoán cho Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT, Công ty Cổ phần Âm thực Mặt trời vàng và Công ty Cổ phần Bkav.

Công ty có Trụ sở chính đặt tại số 1 Nguyễn Thượng Hiền, Phường Nguyễn Du, Quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 là 19 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 20 người).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 06 năm 2024 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Chuẩn mực và Hệ thống kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính của Công ty được trình bày phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty quản lý quỹ được quy định tại Thông tư số 125/2011/TT-BTC ban hành ngày 05 tháng 09 năm 2011 của Bộ Tài chính và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam khác do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 02 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính giữa niên độ được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục, nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu giữa niên độ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán áp dụng được đăng ký của Công ty là Nhật ký chung.

2.3 Niên độ kế toán

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm. Công ty cũng lập các báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 hàng năm.

2.4 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Các báo cáo tài chính giữa niên độ được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty là đồng Việt Nam ("VND").

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TUYÊN BỐ VỀ VIỆC TUÂN THỦ CHUẨN MỤC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN VIỆT NAM

Công ty cam kết đã lập báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty quản lý quỹ được quy định tại Thông tư số 125/2011/TT-BTC ban hành ngày 05 tháng 09 năm 2011 của Bộ Tài chính và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

4.1 Các thay đổi trong các chính sách kế toán

Các chính sách của Công ty sử dụng để lập báo cáo tài chính giữa niên độ được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được sử dụng để lập báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024 và báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

4.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá ba tháng kể từ ngày gửi, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

4.3 Các khoản đầu tư

Chứng khoán tự doanh và các khoản đầu tư khác

Chứng khoán tự doanh bao gồm các chứng khoán niêm yết và chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán. Chứng khoán tự doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc.

Các khoản đầu tư khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc và được phân loại thành đầu tư ngắn hạn và đầu tư dài hạn. Đầu tư ngắn hạn bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn còn lại bằng hoặc dưới mười hai (12) tháng, ngoại trừ phần tiền gửi có kỳ hạn bằng hoặc dưới ba tháng đã bao gồm trong Tiền và các khoản tương đương tiền, và các khoản đầu tư vào trái phiếu chính phủ được nắm giữ với mục đích để bán trong vòng trên ba (3) tháng đến mười hai (12) tháng. Đầu tư dài hạn bao gồm trái phiếu chính phủ, các khoản cho vay, tiền gửi và các khoản đầu tư dài hạn khác có kỳ hạn còn lại trên mười hai (12) tháng.

Các chứng khoán tự doanh và các khoản đầu tư khác được tiếp tục phản ánh theo giá gốc trong các kỳ kế toán tiếp theo và được lập dự phòng giảm giá nếu giá gốc cao hơn giá thị trường có thể xác định được. Các khoản cổ tức và trái tức nhận được trong kỳ được ghi nhận giảm giá vốn chứng khoán đối với khoản lãi dồn tích trước ngày mua và ghi nhận tăng doanh thu đầu tư đối với phần lãi kể từ ngày mua.

Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tăng hoặc giảm số dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.4 Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được ghi nhận ban đầu theo giá gốc và được phản ánh theo giá gốc trong thời gian tiếp theo.

Các khoản nợ phải thu được xem xét trích lập dự phòng rủi ro theo tuổi nợ quá hạn của khoản nợ hoặc theo dự kiến tổn thất có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng Công ty thu thập được các bằng chứng xác định tổ chức kinh tế đã phá sản, đã mở thủ tục phá sản, đã bỏ trốn khỏi địa điểm kinh doanh; đối tượng nợ đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử hoặc đang thi hành án hoặc đang mắc bệnh hiểm nghèo (có xác nhận của bệnh viện) hoặc đã chết hoặc khoản nợ đã được Công ty yêu cầu thi hành án nhưng không thể thực hiện được do đối tượng nợ bỏ trốn khỏi nơi cư trú; khoản nợ đã được Công ty khởi kiện đòi nợ nhưng bị đình chỉ giải quyết vụ án. Chi phí dự phòng phát sinh được hạch toán vào "*Chi phí quản lý doanh nghiệp*" trong năm.

Đối với các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán thì mức trích lập dự phòng theo hướng dẫn của Thông tư số 24/2022/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 07 tháng 04 năm 2022 như sau:

<u>Thời gian quá hạn</u>	<u>Mức trích dự phòng</u>
Từ trên sáu (06) tháng đến dưới một (01) năm	30%
Từ một (01) năm đến dưới hai (02) năm	50%
Từ hai (02) năm đến dưới ba (03) năm	70%
Từ ba (03) năm trở lên	100%

4.5 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

4.6 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp và thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc giai đoạn tài chính.

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành với thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành trên cơ sở thuần.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.6 Thuế thu nhập doanh nghiệp (tiếp theo)

Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc giai đoạn tài chính giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính riêng.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- ▶ Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi Công ty có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- ▶ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- ▶ Tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận tính thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại tại ngày kết thúc giai đoạn tài chính và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại tại ngày kết thúc giai đoạn tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho giai đoạn tài chính mà tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực tại ngày kết thúc giai đoạn tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động riêng ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.7 *Vốn nhận ủy thác và tài sản ủy thác*

Vốn nhận ủy thác và tài sản ủy thác hình thành từ việc sử dụng vốn nhận ủy thác từ các nhà đầu tư được ghi nhận và theo dõi trên các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán của Công ty.

Các khoản phải thu của nhà đầu tư ủy thác phát sinh từ các khoản đầu tư ủy thác như: khoản lãi của khoản đầu tư ủy thác đã đến kỳ thu nhưng chưa thu được, các quyền lợi khác mà nhà đầu tư ủy thác được hưởng và các khoản phải thu khác được ghi nhận và theo dõi trên các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán của Công ty.

Các khoản phải trả của nhà đầu tư ủy thác như các khoản phí phải trả cho Công ty và các khoản phải trả khác được ghi nhận và theo dõi trên các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán của Công ty.

4.8 *Ghi nhận doanh thu*

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng trước khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ bao gồm doanh thu từ phí quản lý quỹ, phí quản lý danh mục đầu tư ủy thác và phí thưởng hoạt động được ghi nhận theo các điều khoản của hợp đồng quản lý quỹ.

Doanh thu cung cấp dịch vụ khác

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc.

Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán

Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán được xác định dựa trên mức chênh lệch giá bán và giá vốn bình quân của chứng khoán.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Cổ tức bằng tiền nhận được từ hoạt động đầu tư được ghi nhận là thu nhập khi quyền nhận cổ tức của Công ty được xác lập. Cổ tức bằng cổ phiếu và các cổ phiếu thưởng nhận được không được ghi nhận là thu nhập của Công ty mà chỉ cập nhật số lượng cổ phiếu nắm giữ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.9 Lợi ích nhân viên

Bảo hiểm thất nghiệp

Theo Thông tư 28/2015/TT-BLĐTBXH Hướng dẫn thực hiện Điều 52 của Luật Việc làm và một số điều của Nghị định số 28/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 03 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Việc làm về bảo hiểm thất nghiệp, từ ngày 01 tháng 01 năm 2009, Công ty có nghĩa vụ đóng bảo hiểm thất nghiệp với mức bằng 1% quỹ tiền lương, tiền công đóng bảo hiểm thất nghiệp của những người tham gia bảo hiểm thất nghiệp và trích 1% tiền lương, tiền công tháng đóng bảo hiểm thất nghiệp của từng người lao động để đóng cùng lúc vào Quỹ Bảo hiểm Thất nghiệp.

4.10 Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó vào thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động riêng theo phương pháp đường thẳng dựa theo thời hạn của hợp đồng thuê.

4.11 Các khoản mục không có số dư

Các khoản mục không được trình bày trên báo cáo tài chính giữa niên độ này theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 là các khoản mục không có số dư.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Đơn vị tính: VND	
	Ngày 30 tháng 06 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
Tiền	406.793.455	322.636.398
Tiền gửi không kỳ hạn	406.793.455	322.636.398
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành	84.560.780	61.832.508
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Phòng giao dịch Yết Kiêu	322.232.675	260.803.890
Các khoản tương đương tiền	13.107.255.973	6.359.936.284
- Tiền gửi giao dịch chứng khoán tại Công ty Cổ phần chứng khoán VNDirect	3.907.255.973	9.936.284
- Tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng	2.200.000.000	6.350.000.000
- Chứng chỉ tiền gửi tại Công ty Tài chính TNHH Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng SMBC	7.000.000.000	-
Tổng cộng	13.514.049.428	6.682.572.682

6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	Đơn vị tính: VND	
	Ngày 30 tháng 06 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
Đầu tư ngắn hạn (i)	108.807.193.451	102.343.864.807
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (ii)	(1.237.610.000)	-
Tổng cộng	107.569.583.451	102.343.864.807

(i) Chi tiết đầu tư chứng khoán ngắn hạn bao gồm:

	Đơn vị tính: VND			
	Ngày 30 tháng 06 năm 2024		Ngày 31 tháng 12 năm 2023	
	Số lượng	Giá trị VND	Số lượng	Giá trị VND
Đầu tư ngắn hạn				
Cổ phiếu niêm yết	34.875	2.262.500.700	2.909.280	23.031.799.000
Cổ phiếu chưa niêm yết	500.000	6.100.000.000	-	-
Trái phiếu niêm yết	488.990	48.913.202.963	792.783	79.312.065.807
Chứng chỉ quỹ	3.861.079	39.999.999.788	-	-
Chứng chỉ tiền gửi	1	11.531.490.000	-	-
	4.884.945	108.807.193.451	3.702.063	102.343.864.807
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	-	(1.237.610.000)	-	-
Tổng cộng	4.884.945	107.569.583.451	3.702.063	102.343.864.807

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN (tiếp theo)

(i) Chi tiết đầu tư chứng khoán ngắn hạn bao gồm: (tiếp theo)

Trong đó các cổ phiếu bị giảm giá:

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Số lượng Cổ phiếu	Giá trị VND	Số lượng Cổ phiếu	Giá trị VND
Cổ phiếu niêm yết				
- Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước giải khát Sài Gòn (mã cổ phiếu: SAB)	32.700	1.999.610.000	-	-
Cổ phiếu chưa niêm yết				
- Công ty CP Tập đoàn Cienco4 (mã cổ phiếu: C4G)	500.000	6.100.000.000	-	-
Tổng cộng	535.600	8.099.610.000	-	-

(ii) Biến động dự phòng trong kỳ như sau:

	Đơn vị tính: VND	
	Ngày 30 tháng 06 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
Số đầu kỳ	-	-
Trích lập trong kỳ	1.529.770.000	-
Hoàn nhập trong kỳ	(292.160.000)	-
Số cuối kỳ	1.237.610.000	-

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2024, Công ty trích lập dự phòng giảm giá đối với cổ phiếu niêm yết của Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước giải khát Sài Gòn (mã cổ phiếu: SAB) và cổ phiếu chưa niêm yết của Công ty Cổ phần Tập đoàn CIENCO4 (mã cổ phiếu: C4G).

7. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	Ngày 30 tháng 06 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
Phải thu từ hoạt động bán chứng khoán	3.986.270.000	-
Tổng cộng	3.986.270.000	-

8. PHẢI THU HOẠT ĐỘNG NGHIỆP VỤ

	Đơn vị tính: VND	
	Ngày 30 tháng 06 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
Phải thu hoạt động quản lý danh mục đầu tư và phí thường (i)	171.883.689	208.640.010
Phải thu hoạt động quản lý quỹ đầu tư chứng khoán và công ty đầu tư chứng khoán (ii)	868.322.588	657.264.391
Tổng cộng	1.040.206.277	865.904.401

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

8. PHẢI THU HOẠT ĐỘNG NGHIỆP VỤ (tiếp theo)

- (i) Theo các hợp đồng ủy thác đầu tư, Công ty được hưởng tỷ lệ phí quản lý không quá 2% trên giá trị tài sản ròng hoặc giá trị giao dịch thành công. Ngoài ra, Công ty được hưởng phí thưởng khi Danh mục vượt ngưỡng lợi nhuận kỳ vọng quy định cụ thể trong hợp đồng quản lý Danh mục đầu tư.
- (ii) Theo quy định tại Điều lệ Quỹ của các quỹ đầu tư được quản lý bởi Công ty, Công ty sẽ được hưởng phí quản lý như sau:

<i>Quỹ được quản lý</i>	<i>Tỷ lệ phí quản lý quỹ/năm</i>
Quỹ Đầu tư Chủ động VND (VNDAF)	1,50%
Quỹ Đầu tư Trái phiếu VND (VNDBF)	1,10%
Quỹ Đầu tư Trái phiếu linh hoạt VND (VNDCF)	0,90%
Quỹ ETF IPAAM VN100 (IPAAM VN100)	0,60%
Quỹ Đầu tư Thành viên IPA (IPAMF)	0,50%

Theo đó, phí quản lý Quỹ được tính vào mỗi kỳ định giá và thanh toán hàng tháng cho Công ty Quản lý Quỹ. Tỷ lệ phí có thể thay đổi khi được Đại hội Nhà Đầu tư phê duyệt.

9. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 06 năm 2024</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2023</i>
Phải thu từ cổ tức	269.850.000	215.000.000
Phải thu từ trái tức	1.997.490.656	2.535.541.394
Các khoản phải thu khác	195.057.332	151.593.160
Tổng cộng	2.462.397.988	2.902.134.554

10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC NGẮN HẠN

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 06 năm 2024</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2023</i>
Chi phí mua bảo hiểm AON - PTI	10.445.682	41.782.722
Chi phí phần mềm dữ liệu	26.730.000	-
Tổng cộng	37.175.682	41.782.722

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

11. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

Đơn vị tính: VND

	Tỷ lệ đầu tư	Ngày 30 tháng 06 năm 2024		Ngày 31 tháng 12 năm 2023	
		Số lượng Cổ phiếu	Giá trị VND	Số lượng Cổ phiếu	Giá trị VND
Đầu tư dài hạn khác		450.000	4.600.000.000	450.000	4.600.000.000
- Cổ phiếu không niêm yết: Công ty Cổ phần Giáo dục Tuệ Đức Bách Khoa	15%	450.000	4.600.000.000	450.000	4.600.000.000
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn (i)		-	(3.693.154.149)	-	(3.693.154.149)
Tổng cộng		450.000	906.845.851	450.000	906.845.851

(i) Các khoản dự phòng đầu tư tài chính dài hạn:

Đơn vị tính: VND

	Ngày 30 tháng 06 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
Cổ phiếu không niêm yết: Công ty Cổ phần Giáo dục Tuệ Đức Bách Khoa	3.693.154.149	3.693.154.149
Tổng cộng	3.693.154.149	3.693.154.149

Biến động các khoản dự phòng đầu tư tài chính dài hạn như sau:

Đơn vị tính: VND

	Ngày 30 tháng 06 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
Số đầu kỳ	3.693.154.149	4.600.000.000
Hoàn nhập trong kỳ	-	(906.845.851)
Số cuối kỳ	3.693.154.149	3.693.154.149

12. TÀI SẢN DÀI HẠN KHÁC

Đơn vị tính: VND

	Ngày 30 tháng 06 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
Ký quỹ, ký cược dài hạn	10.000.000	10.000.000
Tổng cộng	10.000.000	10.000.000

13. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

Đơn vị tính: VND

	Ngày 30 tháng 06 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
Công ty CP chứng khoán VNDIRECT	131.339.465	59.351.685
Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam	108.000.000	-
Đối tượng khác	46.071.074	10.642.083
Tổng cộng	285.410.539	69.993.768

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Đơn vị tính: VND

	<u>Số dư đầu kỳ</u>	<u>Số phải nộp</u>	<u>Số đã nộp</u>	<u>Số dư cuối kỳ</u>
Thuế thu nhập doanh nghiệp	165.753.704	3.176.892.375	(165.753.704)	3.176.892.375
Thuế thu nhập cá nhân	781.627.648	1.093.715.347	(1.183.926.128)	691.416.867
Các loại thuế khác	-	3.000.000	(3.000.000)	-
Tổng cộng	947.381.352	4.273.607.722	(1.352.679.832)	3.868.309.242

15. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

Đơn vị tính: VND

	<u>Ngày 30 tháng 06 năm 2024</u>	<u>Ngày 31 tháng 12 năm 2023</u>
Chi phí phần mềm	361.100.000	-
Chi phí kiểm toán	81.000.000	108.000.000
Chi phí phải trả khác	-	6.969.065
Tổng cộng	442.100.000	114.969.065

16. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

Đơn vị tính: VND

	<u>Ngày 30 tháng 06 năm 2024</u>	<u>Ngày 31 tháng 12 năm 2023</u>
Kinh phí Công đoàn	206.164.445	185.584.445
Phải trả tiền tạm ứng cổ tức đã nhận	4.275.000.000	4.275.000.000
Phải trả, phải nộp khác	5.118.162	6.718.162
Tổng cộng	4.486.282.607	4.467.302.607

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

17. VỐN CHỦ SỞ HỮU

	<i>Đơn vị tính: VND</i>				
	<i>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</i>	<i>Quỹ dự phòng tài chính</i>	<i>Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu</i>	<i>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối</i>	<i>Tổng cộng</i>
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023					
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2023	100.000.000.000	1.916.896.584	1.916.896.584	31.775.944.795	135.609.737.963
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	1.925.650.668	1.925.650.668
Hoàn nhập Quỹ dự phòng tài chính (*)	-	(1.916.896.584)	-	1.916.896.584	-
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	(30.000.000.000)	(30.000.000.000)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023	100.000.000.000	-	1.916.896.584	5.618.492.047	107.535.388.631
Cho giai đoạn tài chính 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024					
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2024	100.000.000.000	-	1.916.896.584	5.618.492.047	107.535.388.631
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	12.331.978.910	12.331.978.910
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2024	100.000.000.000	-	1.916.896.584	17.950.470.957	119.867.367.541

(*) Theo Quyết định số 77-1/2023/QĐ-CT ngày 15 tháng 06 năm 2023 về việc hoàn nhập Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

18. CHỨNG KHOÁN LƯU KÝ CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

Đơn vị tính: VND

	Ngày 30 tháng 06 năm 2024		Ngày 31 tháng 12 năm 2023	
	Số lượng	Giá trị theo mệnh giá VND	Số lượng	Giá trị theo mệnh giá VND
Chứng khoán giao dịch	4.884.944	92.858.544.400	3.702.063	108.371.100.000
Chứng khoán chờ thanh toán	-	-	-	-
Tổng cộng	4.884.944	92.858.544.400	3.702.063	108.371.100.000

19. TIỀN GỬI CỦA NHÀ ĐẦU TƯ ỦY THÁC

Đơn vị tính: VND

	Ngày 30 tháng 06 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
	Số dư đầu kỳ	1.398.436
Số tăng trong kỳ	38.841.654.324	20.794.898.010
Số giảm trong kỳ	(38.841.672.473)	(20.794.895.105)
Số dư cuối kỳ	1.380.287	1.398.436
Trong đó:		
	Ngày 30 tháng 06 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
Công ty cổ phần Bkav		
Số dư đầu kỳ	528.587	516.428
Số tăng trong kỳ	141.653.488	123.937.360
Số giảm trong kỳ	(141.650.473)	(123.925.201)
Số dư cuối kỳ	531.602	528.587
	Ngày 30 tháng 06 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
Công ty Cổ phần Âm thực Mặt trời vàng		
Số dư đầu kỳ	869.849	879.103
Số tăng trong kỳ	38.700.000.836	20.670.960.650
Số giảm trong kỳ	(38.700.022.000)	(20.670.969.904)
Số dư cuối kỳ	848.685	869.849

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

20. DANH MỤC ĐẦU TƯ CỦA NHÀ ĐẦU TƯ ỦY THÁC

	Đơn vị tính: VND	
	Ngày 30 tháng 06 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
Nhà đầu tư ủy thác trong nước	812.924.597.900	1.138.104.461.100
- Cổ phiếu niêm yết	512.924.597.900	757.327.541.100
<i>Trong đó, các mã cổ phiếu bị giảm giá:</i>		
<i>Tổng công ty CP Bảo hiểm Bưu điện (PTI)</i>	<i>512.924.597.900</i>	<i>757.327.541.100</i>
- Cổ phiếu chưa niêm yết	300.000.000.000	380.776.920.000
<i>Trong đó, các mã cổ phiếu bị giảm giá:</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
Nhà đầu tư ủy thác nước ngoài	-	-
Tổng cộng	812.924.597.900	1.138.104.461.100

21. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ CỦA NHÀ ĐẦU TƯ ỦY THÁC

	Đơn vị tính: VND	
	Ngày 30 tháng 06 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
Phải trả phí quản lý danh mục đầu tư	171.883.689	208.640.010
Phải trả phí lưu ký tại Ngân hàng	45.226.219	46.909.685
Tổng cộng	217.109.908	255.549.695

22. DOANH THU THUẦN VỀ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

	Đơn vị tính: VND	
	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2023
Doanh thu từ phí quản lý danh mục đầu tư	453.933.372	418.930.151
Doanh thu từ phí giao dịch và quản lý quỹ	4.397.181.171	3.052.063.960
Tổng cộng	4.851.114.543	3.470.994.111

23. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

	Đơn vị tính: VND	
	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2023
Chi phí nhân viên	4.449.308.234	2.654.519.041
Chi phí hoạt động kinh doanh khác	1.375.770.531	6.349.391.560
Tổng cộng	5.825.078.765	9.003.910.601

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

24. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

Đơn vị tính: VND

	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2023</i>
Lãi kinh doanh chứng khoán	17.194.406.310	-
Cổ tức được nhận	69.350.000	-
Lãi trái phiếu	2.852.381.333	5.228.164.373
Lãi tiền gửi ngân hàng	258.874.230	569.548.608
Tổng cộng	<u>20.375.011.873</u>	<u>5.797.712.981</u>

25. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

Đơn vị tính: VND

	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2023</i>
Lỗ kinh doanh chứng khoán	106.165.403	-
Trích lập dự phòng giảm giá các khoản đầu tư ngắn hạn	1.237.610.000	-
Phí giao dịch chứng khoán, phí lưu ký	120.883.389	18.580.628
Tổng cộng	<u>1.464.658.792</u>	<u>18.580.628</u>

26. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

Đơn vị tính: VND

	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2023</i>
Chi phí nhân viên	1.642.771.740	1.051.299.998
Chi phí thuê văn phòng	570.000.000	199.315.536
Chi phí đồ dùng văn phòng	5.420.580	23.089.765
Thuế, phí và lệ phí	4.037.037	20.117.571
Chi phí phân bổ CCDC, phần mềm	6.225.000	32.667.488
Chi phí dịch vụ mua ngoài khác	306.673.365	224.221.843
Tổng cộng	<u>2.535.127.722</u>	<u>1.550.712.201</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

27. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Theo Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18 tháng 06 năm 2014 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn thi hành Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp, mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành của Công ty là 20%.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

27.1 Chi phí thuế TNDN

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận/(lỗ) kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	Đơn vị tính: VND	
	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2023
Tổng (lỗ)/lợi nhuận kế toán trước thuế	15.401.261.137	(1.304.496.338)
Các khoản điều chỉnh lợi nhuận theo kế toán	483.200.738	-
Các khoản điều chỉnh tăng	538.050.738	
- <i>Chênh lệch dự thu lãi trái phiếu</i>	538.050.738	
Các khoản điều chỉnh giảm	(54.850.000)	
- <i>Doanh thu không chịu thuế - Cổ tức</i>	(54.850.000)	
- <i>Lỗ tính thuế năm trước chuyển sang</i>	-	
Thu nhập chịu thuế ước tính kỳ hiện hành	15.884.461.875	(1.304.496.338)
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
Chi phí thuế TNDN hiện hành	3.176.892.375	-
Thuế TNDN phải nộp đầu kỳ	-	-
Thuế TNDN đã nộp trong kỳ	-	-
Thuế TNDN còn phải nộp cuối kỳ	3.176.892.375	-

27.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với lợi nhuận được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc giai đoạn tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

28. CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro phát sinh từ hoạt động kinh doanh là một phần quan trọng trong công tác quản trị của Công ty. Công ty có hệ thống kiểm soát mức cân đối có thể chấp nhận được giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc theo dõi liên tục quy trình quản lý rủi ro của Công ty nhằm đảm bảo mức cân đối phù hợp giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Ban Tổng Giám đốc xem xét và thống nhất các chính sách quản lý những rủi ro phát sinh trong hoạt động kinh doanh như tổng hợp dưới đây.

28.1 Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động do thay đổi giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro giá hàng hóa và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản vay và nợ, các khoản tiền gửi có kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn và đầu tư chứng khoán sẵn sàng để bán.

Các phân tích độ nhạy như được trình bày dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2024 và ngày 30 tháng 06 năm 2023.

Các phân tích độ nhạy này đã được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi và tỷ lệ tương quan giữa các công cụ tài chính có gốc ngoại tệ là không thay đổi.

Khi tính toán các phân tích độ nhạy, Ban Tổng Giám đốc giả định rằng:

- ▶ độ nhạy của bảng cân đối kế toán liên quan đến các công cụ nợ sẵn sàng để bán;
- ▶ độ nhạy của các khoản mục có liên quan trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh bị ảnh hưởng bởi các thay đổi trong giả định về rủi ro thị trường tương ứng dựa trên các tài sản và nợ phải trả tài chính mà Công ty nắm giữ tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 và ngày 30 tháng 6 năm 2023.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động do thay đổi lãi suất thị trường. Rủi ro về thay đổi lãi suất thị trường của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản phải thu khác, các khoản tiền gửi có kỳ hạn và các khoản nợ phải trả tài chính. Những khoản đầu tư này phần lớn là ngắn hạn và không được nắm giữ với mục đích đầu cơ.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách theo dõi chặt chẽ tình hình thị trường có liên quan để xác định chính sách lãi suất hợp lý có lợi cho các mục đích quản lý giới hạn rủi ro của Công ty.

Phân tích về mức độ nhạy cảm với lãi suất không được thực hiện cho giai đoạn tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 do mức độ rủi ro lãi suất của Công ty rất nhỏ.

Rủi ro về giá cổ phiếu

Chứng khoán vốn niêm yết và chưa niêm yết do Công ty nắm giữ chịu ảnh hưởng của rủi ro giá thị trường phát sinh do tình trạng không chắc chắn về giá trị trong tương lai của các khoản đầu tư chứng khoán. Tại ngày lập báo cáo này, giá trị hợp lý của chứng khoán vốn niêm yết mà Công ty đang nắm giữ là 2.245.837.500 đồng. Sự tăng (hoặc giảm) 20% của chỉ số chứng khoán niêm yết có thể làm tăng (hoặc giảm) một tỷ lệ tương ứng trên doanh thu từ hoạt động đầu tư của Công ty, tùy thuộc vào mức độ trọng yếu và kéo dài của sự suy giảm, và tùy thuộc vào trạng thái nắm giữ của danh mục đối với những cổ phiếu có ảnh hưởng đáng kể tới chỉ số của thị trường.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

28. CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

28.2 Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà đối tác sẽ không thực hiện các nghĩa vụ của mình theo quy định của một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm cả tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác.

Phải thu khách hàng

Việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng của Công ty dựa trên các chính sách, thủ tục và quy trình kiểm soát của Công ty có liên quan đến việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng.

Các khoản phải thu khách hàng chưa trả thường xuyên được theo dõi. Các phân tích về khả năng lập dự phòng được thực hiện tại ngày lập báo cáo trên cơ sở từng khách hàng đối với các khách hàng lớn. Tại ngày báo cáo, các khoản phải thu khách hàng của Công ty thuộc một số lượng lớn khách hàng đa dạng.

Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng lớn tại Việt Nam. Rủi ro tín dụng từ số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận kế toán và bộ phận Phân tích và Đầu tư chứng khoán theo chính sách của Công ty.

Đơn vị tính: VND

	<i>Chưa quá hạn và chưa bị giảm giá</i>	<i>Đã quá hạn và chưa bị giảm giá</i>	<i>Đã quá hạn và đã trích lập dự phòng</i>	<i>Tổng cộng</i>
Tiền và các khoản tương đương tiền	13.514.049.428	-	-	13.514.049.428
Các khoản đầu tư ngắn hạn	107.569.583.451	-	1.237.610.000	108.807.193.451
Các khoản phải thu ngắn hạn	7.273.874.265	-	-	7.273.874.265
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	-	-	-	-
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	-	-	906.845.851	906.845.851
Chi phí trả trước dài hạn	51.513.763	-	-	51.513.763
Tài sản dài hạn khác	10.000.000	-	-	10.000.000
Tổng cộng	128.419.020.907	-	2.144.455.851	130.563.476.758

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

28. CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

28.3 Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản và nợ phải trả có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản bằng việc duy trì tỷ lệ tiền mặt và các khoản tương đương tiền ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để hỗ trợ tài chính cho các hoạt động kinh doanh của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những thay đổi các luồng tiền.

Thông tin thời gian đáo hạn của nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các giá trị thanh toán chưa chiết khấu theo hợp đồng như sau:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>				
	<i>Không kỳ hạn</i>	<i>Đến 3 tháng</i>	<i>Từ 3 - 12 tháng</i>	<i>Từ 1 - 5 năm</i>	<i>Tổng cộng</i>
Tài sản					
Tiền và các khoản tương đương tiền	13.514.049.428	-	-	-	13.514.049.428
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	-	-	107.569.583.451	-	107.569.583.451
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	3.986.270.000	-	-	-	3.986.270.000
Phải thu nghiệp vụ khác	1.040.206.277	-	-	-	1.040.206.277
Các khoản phải thu khác	2.052.340.656	195.057.332	-	215.000.000	2.462.397.988
Tài sản ngắn hạn khác	37.175.682	-	-	-	37.175.682
Tài sản dài hạn khác	61.513.763	-	-	-	61.513.763
Tổng tài sản	20.691.555.806	195.057.332	107.569.583.451	215.000.000	128.671.196.589
Nợ phải trả					
Phải trả người bán	285.410.539	-	-	-	285.410.539
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	3.868.309.242	-	-	-	3.868.309.242
Chi phí phải trả	-	442.100.000	-	-	442.100.000
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	4.486.282.607	-	-	-	4.486.282.607
Tổng nợ phải trả	8.640.002.388	442.100.000	-	-	9.082.102.388
Mức chênh lệch thanh khoản ròng	12.051.553.418	(247.042.668)	107.569.583.451	215.000.000	119.589.094.201

28.4 Tài sản đảm bảo

Công ty không phát sinh bất kỳ khoản vay và nợ ngắn hạn và không sử dụng bất kỳ tài sản nào của Công ty nhằm đảm bảo cho bất kỳ khoản vay và nợ ngắn hạn của một bên khác vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và ngày 31 tháng 12 năm 2023.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

29. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, Công ty có số dư chủ yếu với các bên liên quan như sau:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
			<i>Ngày 30 tháng 06 năm 2024</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2023</i>
Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT	Chủ tịch Công ty đồng thời là chủ tịch HĐQT bên liên quan	Tiền gửi giao dịch chứng khoán Phải thu phí quản lý danh mục đầu tư Phải trả phí giao dịch phát hành/ mua lại CCQ cho đại lý phân phối Danh mục đầu tư ủy thác	3.907.255.973 42.740.155 131.339.465 512.924.597.900	9.936.284 46.064.638 59.351.685 757.327.541.100
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư I.P.A	Công ty mẹ	Đầu tư chứng khoán ngắn hạn Vốn góp	- 100.000.000.000	23.031.799.000 100.000.000.000
Quỹ Đầu tư Chủ động VND	Quỹ được quản lý	Phải thu phí quản lý Quỹ mở Thù lao ban đại diện quỹ IPAAM trả hộ, thuế bán chứng khoán của nhà đầu tư Phí phát hành/mua lại CCQ	322.078.519 74.310.735 46.940.738	298.977.241 57.774.853 54.857.650
Quỹ Đầu tư Trái phiếu VND	Quỹ được quản lý	Phải thu phí quản lý Quỹ mở Thù lao ban đại diện quỹ IPAAM trả hộ, thuế bán chứng khoán của nhà đầu tư Phí phát hành/mua lại CCQ	244.442.779 46.349.390 14.013.824	166.548.747 38.884.357 1.451.287
Quỹ Đầu tư Trái phiếu Linh hoạt VND	Quỹ được quản lý	Phải thu phí quản lý Quỹ mở Thù lao, thuế Ban đại diện Quỹ IPAAM trả hộ	81.721.779 56.397.206	66.142.503 36.933.950
Quỹ ETF IPAAM VN100	Quỹ được quản lý	Phải thu phí quản lý Quỹ mở Thù lao ban đại diện quỹ IPAAM trả hộ	78.484.795 18.000.000	69.286.963 18.000.000
Quỹ Đầu tư thành viên IPA	Quỹ được quản lý	Phải thu phí quản lý Quỹ mở	80.640.154	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

29. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Công ty có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan trong giai đoạn tài chính bao gồm:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
			<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>
Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT	Chủ tịch Công ty đồng thời là Chủ tịch HĐQT bên liên quan	Phí quản lý danh mục đầu tư	276.112.562	229.812.444
		Lãi tài khoản giao dịch chứng khoán	6.558.901	655.855
		Phí giao dịch và phí lưu ký	120.883.389	18.580.628
		Phí đại lý bổ sung, phí giao dịch quỹ mở	658.606.879	227.630.773
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư I.P.A	Công ty mẹ	Thuê văn phòng	570.000.000	-
Quỹ Đầu tư Chủ động VND	Quỹ được quản lý	Phí quản lý quỹ mở	1.896.498.988	1.725.548.962
		Phí giao dịch quỹ mở	245.251.110	234.113.613
		Thù lao ban đại diện quỹ IPAAM trả hộ, thuế bán chứng khoán của nhà đầu tư	217.850.977	178.768.677
		Phí phát hành/mua lại CCQ trả hộ cho đại lý phân phối	112.033.782	296.251.846
Quỹ Đầu tư Trái phiếu VND	Quỹ được quản lý	Phí quản lý quỹ mở	1.298.497.043	893.563.237
		Phí giao dịch quỹ mở	60.118.069	7.509.685
		Thù lao ban đại diện quỹ IPAAM trả hộ, thuế bán chứng khoán của nhà đầu tư	165.813.042	155.737.863
		Phí phát hành/mua lại CCQ trả hộ cho đại lý phân phối	4.396.678	2.602.132
Quỹ Đầu tư Trái phiếu Linh hoạt VND	Quỹ được quản lý	Phí quản lý quỹ mở	546.405.915	-
		Thù lao, thuế Ban đại diện Quỹ IPAAM trả hộ	192.630.954	-
Quỹ ETF IPAAM VN100	Quỹ được quản lý	Phí quản lý quỹ mở	153.339.432	126.588.098
		Thù lao ban đại diện quỹ IPAAM trả hộ, thuế bán chứng khoán của nhà đầu tư	79.100.000	74.700.000
Quỹ Đầu tư thành viên IPA	Quỹ được quản lý	Phí quản lý Quỹ mở	80.640.154	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

29. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Thu nhập của Ban Điều hành:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>
Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác	1.086.864.839	725.000.000
Tổng cộng	1.086.864.839	725.000.000

30. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Công ty hiện đang thuê văn phòng theo các hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày 30 tháng 06 năm 2024, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 06 năm 2024</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2023</i>
Đến 1 năm	1.140.000.000	114.923.783
Từ 1 đến 5 năm	3.990.000.000	-
Tổng cộng	5.130.000.000	114.923.783

Các khoản tiền thuê cam kết ước tính tại ngày 30 tháng 06 năm 2024 được xác định trên cơ sở giá thuê trên hợp đồng còn hiệu lực vào ngày 30 tháng 06 năm 2024.

31. HOẠT ĐỘNG QUẢN LÝ QUỸ VÀ QUẢN LÝ DANH MỤC ĐẦU TƯ

	<i>Giá trị</i>
Hoạt động quản lý quỹ	
Tổng số quỹ hoạt động quản lý	5
Tổng số vốn của các quỹ đang thực hiện quản lý	520.009.689.300
Số lượng quỹ lập trong kỳ	-
Số lượng quỹ đóng trong kỳ	-
Phí quản lý quỹ trong kỳ (1)	3.975.381.532
Phí phát hành và mua lại chứng chỉ quỹ mở (2)	421.799.639
Hoạt động quản lý danh mục đầu tư	
Tổng số hợp đồng còn hiệu lực đầu kỳ	3
Số hợp đồng ký trong kỳ	-
Số hợp đồng thanh lý trong kỳ	-
Tổng số hợp đồng đã ký còn hiệu lực thực hiện	2
Phí quản lý danh mục đầu tư và phí thưởng (3)	453.933.372
Tổng phí quản lý thu được từ hoạt động quản lý (1)+(2)+(3)	4.851.114.543

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

32. MỘT SỐ CHỈ TIÊU ĐÁNH GIÁ KHÁI QUÁT THỰC TRẠNG TÀI CHÍNH VÀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CỦA CÔNG TY

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Ngày 30 tháng 06 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
Bố trí cơ cấu tài sản			
Tài sản dài hạn/ Tổng tài sản	%	0,75%	0,90%
Tài sản ngắn hạn/ Tổng tài sản	%	99,25%	99,10%
Khả năng thanh toán			
Tỷ lệ nợ phải trả trên tổng tài sản (Nợ phải trả/ Tổng tài sản)	%	7,34%	5,37%
Khả năng thanh toán hiện hành (Tài sản lưu động/ Nợ ngắn hạn)	Lần	14,12	20,11
Khả năng thanh toán nhanh (Tài sản lưu động - Hàng tồn kho)/ Nợ ngắn hạn	Lần	14,12	20,11
Khả năng thanh toán bằng tiền (Tiền và các khoản tương đương tiền/ Nợ ngắn hạn)	Lần	1,49	1,19
Tỷ suất lợi nhuận			
Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu	%	254,21%	-37,58%
Tỷ suất lợi nhuận trên vốn (Lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản)	%	9,53%	-0,95%
Tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu (Lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu)	%	10,29%	-0,97%

33. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có các sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty.

Người lập biểu



Bà Nguyễn Thị Thúy Lan
 Kế toán Trưởng

Người phê duyệt



Bà Phạm Minh Hương
 Chủ tịch
 kiêm Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 13 tháng 08 năm 2024